

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

**V/v công bố danh sách cán bộ y tế có chứng chỉ đào tạo Y học giấc ngủ -
Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam, giai đoạn 2022 - 2026**

Kính gửi:

- Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Các Sở Y tế tỉnh, thành phố;
- Các Bệnh viện Đa khoa, chuyên khoa trên toàn quốc;
- Các Viện, Trường đào tạo chuyên ngành Sức khỏe.

Căn cứ Quyết định số 1071/QĐ-BNV ngày 10/12/2019 của Bộ Nội vụ về việc cho phép thành lập Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1037/QĐ-BNV ngày 12/9/2025 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 37/QĐ-K2ĐT ngày 14/4/2022 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế về việc cấp mã cơ sở đào tạo liên tục cán bộ y tế cho Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 26-9/QĐ-VSSM ngày 26/9/2025 của Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam, nhiệm kỳ 2025-2030;

Căn cứ Quyết định số 23.06-QĐ-HYHGNNV ngày 23/6/2025 về việc công nhận danh sách học viên đủ điều kiện dự thi kết thúc khóa học “Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn”, chương trình 06 tháng, khóa I;

Căn cứ Quyết định số 02.04.26/QĐ-HYHGNNV ngày 30/5/2026 về việc công nhận danh sách học viên đủ điều kiện dự thi kết thúc khóa học “Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn và trẻ em”, chương trình 09 tháng, khóa I.

HỘI Y HỌC GIÁC NGỦ VIỆT NAM TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO:

1. Công bố cán bộ y tế (CBYT) được đào tạo chứng chỉ y học giấc ngủ giai đoạn 2022 - 2026

Trong giai đoạn 2023 - 2026, Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam đã triển khai hoạt động đào tạo chuyên ngành, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực y học giấc ngủ. Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam thông báo danh sách CBYT đã tham gia học và hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành do Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam tổ chức, đủ điều kiện tham gia thi và được cấp chứng chỉ theo quy định trong giai đoạn 2023 - 2026 bao gồm:

a) Chương trình 09 tháng:

Chẩn đoán và Điều trị các Bệnh lý giấc ngủ ở Người lớn

- 1436 tiết, bao gồm 398 tiết lý thuyết và 1038 tiết thực hành.
- 155 chủ đề nội dung học tập
(Chương trình đính kèm)

b) Chương trình 06 tháng:

Chẩn đoán và Điều trị các Bệnh lý giấc ngủ ở Trẻ em và Người lớn

- 960 tiết, bao gồm 260 tiết lý thuyết và 700 tiết thực hành.
- 78 chủ đề nội dung học tập.
(Chương trình đính kèm)

Danh sách được công bố nhằm ghi nhận quá trình đào tạo chuyên môn trong nước kết hợp với việc tiếp cận chuẩn đánh giá chuyên môn y học giấc ngủ quốc tế.

2. Giai đoạn công bố

Danh sách tại Thông báo này được tổng hợp trong thời gian từ 15/04/2023 đến 15/8/2026.

Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam sẽ tiếp tục cập nhật danh sách khi có CBYT đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định.

3. Ý nghĩa của việc công bố

Việc công bố danh sách nhằm:

- Thông tin về quá trình đào tạo chuyên ngành cấp chứng chỉ trong lĩnh vực y học giấc ngủ;

- Ghi nhận đội ngũ nhân lực đã được đào tạo về chẩn đoán và điều trị các rối loạn giấc ngủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý, cơ sở y tế, bệnh viện, viện và trường trong việc tra cứu, xác minh thông tin đào tạo;
- Từng bước xây dựng mạng lưới CBYT có chuyên môn về y học giấc ngủ tại Việt Nam;
- Thúc đẩy đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực y học giấc ngủ;
- Góp phần nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị và chăm sóc sức khỏe giấc ngủ cho người dân.

4. Đề nghị các cơ quan, đơn vị

Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam kính đề nghị các Sở Y tế, bệnh viện, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, viện, trường và các đơn vị có liên quan:

- Cập nhật thông tin về quá trình đào tạo y học giấc ngủ của các CBYT có tên trong danh sách kèm theo;
- Tạo điều kiện để các CBYT tiếp tục phát huy năng lực chuyên môn trong khám, tư vấn, chẩn đoán, điều trị và quản lý các bệnh lý giấc ngủ phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn đã được cho phép và theo quy định hiện hành;
- Khuyến khích các CBYT tham gia đào tạo liên tục, nghiên cứu khoa học, hội nghị chuyên ngành và các hoạt động chuyên môn y học giấc ngủ trong nước và quốc tế;
- Phối hợp với Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam trong xây dựng và phát triển mạng lưới y học giấc ngủ tại Việt Nam.

5. Cập nhật danh sách

Danh sách kèm theo Thông báo được Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam tổng hợp trên cơ sở:

- Hồ sơ học viên chương trình đào tạo Y học Giấc ngủ 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng.

6. Danh sách kèm theo

Đính kèm theo Thông báo này là: “Danh sách CBYT đã học, thi và đạt chứng chỉ chương trình đào tạo Y học Giấc ngủ 6 tháng và 9 tháng, giai đoạn 2022 - 2026”.

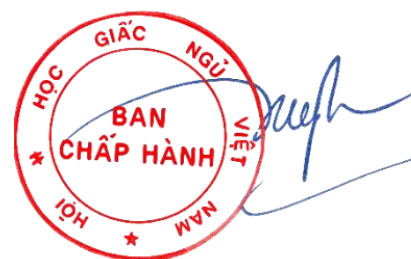
Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam trân trọng cảm ơn sự quan tâm và phối hợp của Quý cơ quan, đơn vị.

Trân trọng kính thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Tuyên giáo - Dân vận TW (báo cáo);
- Vụ phi chính phủ - BNV (báo cáo);
- Liên hiệp hội KHKT Việt Nam (báo cáo);
- Tổng hội Y học Việt Nam (báo cáo);
- Cục K2ĐT-BYT (báo cáo).
- Lưu: VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



GS.TSKH.BS Dương Quý Sỹ
Ủy viên Hội Đồng QGGD &PTNL Việt Nam

DANH SÁCH

**Cán bộ y tế có chứng chỉ đào tạo Y học Giác ngủ 6 tháng và 9 tháng do
Hội Y học Giác ngủ Việt Nam cấp, giai đoạn 2022 - 2026**
(Kèm theo Thông báo số 103/TB-VSSM ngày 22 tháng 8 năm 2026 của
Hội Y học Giác ngủ Việt Nam)

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn
I. Bác sĩ có Chứng chỉ Y học Giác ngủ 9 tháng “Chẩn đoán và Điều trị các Bệnh lý giấc ngủ ở Trẻ em và Người lớn” (51 CBYT)			
1	Nguyễn Thị Thu Dung	Trường Cao đẳng Y tế Thái Bình	Tiến sĩ, Bác sĩ
2	Võ Phạm Minh Thư	Đại học Y Dược Cần Thơ	PGS.TS. Bác sĩ
3	Nguyễn Minh Sang	Bệnh Viện Phổi Trung ương	Tiến sĩ, Bác sĩ
4	Phan Thanh Thuỷ	BV Bạch Mai, Hà Nội	Tiến sĩ, Bác sĩ
5	Nguyễn Thị Hồng Liên	Đại học Y Dược Hải Phòng	Tiến sĩ, Bác sĩ
6	Bùi Diễm Khuê	Trường ĐH Y Dược HCM	Tiến sĩ, Bác sĩ
7	Nguyễn Ngọc Phương Thư	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	Tiến sĩ, Bác sĩ
8	Trần Thanh Duy Linh	Đại học Y Dược, TP.HCM	Tiến sĩ, Bác sĩ
9	Vũ Trần Thiên Quân	Đại học Y Dược TPHCM	Tiến sĩ, Bác sĩ
10	Đặng Văn Ninh	Bệnh Viện C Đà Nẵng	BSCCKII
11	Hồ Thiên Hương	Bệnh viện Nhi Đồng I	BSCCKII
12	Hoàng Long	Bệnh viện Tai Mũi Họng Sài Gòn	BSCCKII
13	Nguyễn Đức Trung	Bệnh viện Hữu Nghị	BSCCKII
14	Trần Thị Đoan Trang	Vita Clinic	BSCCKII
15	Trịnh Thế Lân	Bệnh viện C Đà Nẵng	BSCCKII
16	Vũ Thành Khoa	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	BSCCKII
17	Nguyễn Cao Minh Nền	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	BSCCKII
18	Đặng Thị Kim Huyền	Bệnh Viện Đại Học Y Dược	BSCCKII
19	Phan Thị Hạnh	Bệnh viện đại học Phenikaa	BSCCKII

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn
20	Nguyễn Hữu Hoàng	Đại học Y Dược TPHCM	Thạc sĩ, Bác sĩ
21	Đoàn Thị Linh	Đại học Y Dược Hải Phòng	Thạc sĩ, Bác sĩ
22	Bùi Ngọc Phương Hòa	Bệnh Viện Vinmec Đà Nẵng	Thạc sĩ, BSCKI
23	Huỳnh Anh Tuấn	BV Đa Khoa Hoàn Mỹ Cửu Long	Thạc sĩ, Bác sĩ
24	Lê Thị Hồng Duyên	Bệnh viện Đa khoa Gia Định, Đà Nẵng	Thạc sĩ, Bác sĩ
25	Nguyễn Tùng Lâm	Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch	Thạc sĩ, Bác sĩ
26	Trần Xuân Quỳnh	Đại học Y Dược Cần Thơ	Thạc sĩ, Bác sĩ
27	Nguyễn Thị Chung	Phòng khám Nội Vạn Xuân	BSCKI
28	Dương Thị Cẩm Tuyên	Bệnh viện Đa Khoa Tâm Anh Tp.HCM	BSCKI
29	Hà Như Quý	Bệnh Viện Nhân Dân Gia Định	BSCKI
30	Hồ Thanh Hùng	Bệnh viện đa khoa Tâm Trí Cao Lãnh	BSCKI
31	Lê Thị Xuân	Bệnh viện 199, Bộ Công An	BSCKI
32	Mã Lê Quân	Bệnh viện FV	BSCKI
33	Mã Thanh Hữu Nghĩa	Bệnh viện Nguyễn Trãi TPHCM	BSCKI
34	Nguyễn Minh Trí	Bệnh viện 199, Bộ Công An	BSCKI
35	Nguyễn Ngọc Bách	Bệnh viện Nhi Đồng I	BSCKI
36	Nguyễn Thành Luân	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	BSCKI
37	Phạm Thanh Uyên	Bệnh Viện Nhi Đồng 1	BSCKI
38	Phạm Việt Thắng	Bệnh viện Nhân dân Gia Định	BSCKI
39	Trần Quốc Tuấn	Bệnh viện Đa khoa Hồng Đức II	BSCKI
40	Trần Thị Mộng Bô	Bệnh viện 199, Bộ Công An	BSCKI
41	Trương Huệ Linh	Bệnh viện đa khoa Tâm Anh - Hà Nội	BSCKI
42	Bùi Huy Hoàng	Bệnh Viện Phổi Trung ương	Bác sĩ
43	Lương Văn Đền	BV Đa Khoa Quốc Tế Vinmec Cần Thơ	Bác sĩ
44	Dương Thị Thanh Vân	Đại học Y Dược Cần Thơ	Bác sĩ
45	Mai Thị Thùy Linh	Bệnh viện Trường ĐHYD Cần Thơ	Bác sĩ
46	Nguyễn Thị Thuý Nga	Bệnh viện Hữu Nghị	Bác sĩ
47	Nguyễn Thị Bình	Viện kiểm định QGVX&SPYT	Bác sĩ
48	Phạm Diệu Mát	Bệnh Viện Phổi Trung ương	Bác sĩ
49	Phạm Kiều Anh Thơ	Trường Đại học Y Dược Cần Thơ	Bác sĩ

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn
50	Trần Thị Tấm	Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình	Bác sĩ
51	Vũ Thị Tâm	Trường đại học Y Dược Thái Nguyên	Bác sĩ
II. Bác sĩ có Chứng chỉ Y học Giác ngủ 6 tháng “Chẩn đoán và Điều trị các Bệnh lý giấc ngủ ở Người lớn” (41 CBYT)			
1	Trần Văn Học	Đại học Y Dược Thái Nguyên	Tiến sĩ, Bác sĩ
2	Đặng Thị Mai Khuê	BV Tâm Anh TP HCM	Tiến sĩ, Bác sĩ
3	Trần Ngọc Tú	Công ty TNHH Nha khoa Sakura	Tiến sĩ, Bác sĩ
4	Phạm Thị Lệ Quyên	Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh Hà Nội	Tiến sĩ, Bác sĩ
5	Lê Thị Thu Hương	Bệnh viện Nhân Dân Gia Định	BSCCKII
6	Nguyễn Thị Thu Sương	Đại học Khoa Học sức khỏe	BSCCKII
7	Lê Thị Vân Trang	Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch	BSCCKII
8	Võ Hà Băng Sương	Bệnh viện Vạn Phúc City	Thạc sĩ, Bác sĩ
9	Nguyễn Thị Hà	Bệnh viện Quân y 103	Thạc sĩ, Bác sĩ
10	Nguyễn Hồng Trang	Trường ĐH Phenikaa	Thạc sĩ, Bác sĩ
11	Nguyễn Thị Phương Thy	Bệnh Viện Tâm Anh Tp.Hcm	Thạc sĩ, Bác sĩ
12	Phạm Thị Thanh Thủy	Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh TP HCM	BSCCKI
13	Phạm Kim Thư	Bệnh viện Đa khoa Quảng Ngãi	BSCCKI
14	Cần Thị Hằng	Bệnh viện Vinmec Times City	Bác sĩ
15	Lê Thị Kiều Hân	Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch	Bác sĩ
16	Nguyễn Ngọc Bách	Bệnh viện Vinmec	Bác sĩ
17	Vũ Thị Ninh	Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp	Bác sĩ
18	Lê Thị Ba	Trung tâm Hô hấp Bệnh viện Bạch Mai	Bác sĩ
19	Thân Thị Minh Trung	Bệnh Viện Đa Khoa Tâm Anh	Bác sĩ
20	Phạm Văn Lưu	Bệnh viện Phổi Trung ương	Bác sĩ
21	Nguyễn Linh Tuyền	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Bác sĩ
22	Lê Nhật Vinh	Bệnh viện đa khoa quốc tế Nam Sài Gòn	Bác sĩ
23	Trần Trọng Phát	Bệnh viện Thuận Mỹ ITO Đồng Nai	Bác sĩ
24	Nguyễn Tấn Cảnh	Bệnh viện Nhân dân 115	Bác sĩ
25	Mã Thanh Phong	Bệnh Viện Tâm Anh Tp.Hcm	Bác sĩ
26	Nguyễn Thị Nét	Bệnh viện ĐKQT Vinmec Times City	Bác sĩ

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn
27	Nguyễn Thị Hương	BV Hồng Ngọc Phúc Trường Minh	Bác sĩ
28	Thái Bá Thủy	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	Bác sĩ
29	Tô Anh Tuấn	Phòng khám Mỹ Hòa	Bác sĩ
30	Nguyễn Lê Ngọc Phương	BV Đa khoa Long An	Bác sĩ
31	Lý Thị Kim Loan	Bệnh viện Đa khoa Tâm Anh HCM	Bác sĩ
32	Nguyễn Thành Thái	BV Hoàn Mỹ Cửu Long	Bác sĩ
33	Đặng Nam Hải	Bệnh viện Nhân dân 115	Bác sĩ
34	Nguyễn Quang Mạnh	Bệnh Viện Trung Ương Thái Nguyên	Bác sĩ
35	Nguyễn Ngọc Tài	Bệnh viện đa khoa Gia Đình	Bác sĩ
36	Đinh Hữu Tuấn	Khoa Hô hấp - Bệnh viện E	Bác sĩ
37	Vũ Phương Dung	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	Bác sĩ
38	Lê Thị Ngọc Sương	Bệnh viện Đại học Y dược TP. HCM	Bác sĩ
39	Nguyễn Thị Hà	BVĐK Tỉnh Ninh Bình	Bác sĩ
40	Nguyễn Thị Mai	Bệnh viện Đa khoa Ninh bình	Bác sĩ
41	Hà Thị Ngọc Bích	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình	Bác sĩ
III. CBYT tư vấn về sức khỏe giấc ngủ (9 CBYT)			
1	Nguyễn Duy Thái	Văn phòng Bộ Y tế	Tiến sĩ
2	Hoàng Thị Xuân Hương	Đại học Phenikaa	Tiến sĩ
3	Nguyễn Văn Tới	Trường CDYT Lâm Đồng	Thạc sĩ
4	Tăng Thị Thảo Trâm	Trường CDYT Lâm Đồng	Thạc sĩ
5	Nguyễn Tuấn Anh	Trường CDYT Lâm Đồng	Thạc sĩ
6	Vũ Đình Triển	Bệnh viện TWQĐ 108	Tiến sĩ
7	Vũ Đoan Trâm	Trường CDYT Lâm Đồng	Thạc sĩ
8	Võ Văn Tính	Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch	Thạc sĩ
9	Nguyễn Trọng Bằng	Hội YHGN Việt Nam	Dược sĩ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 79/QĐ-HYHGNVN ngày 24/8 /2024
của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam)*

1. Tên khoá học và giới thiệu chung về khóa học:

1.1. Tên khoá học:

“Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn”

1.2. Giới thiệu:

Y học giấc ngủ là một chuyên ngành còn non trẻ không chỉ ở Việt Nam mà còn tại một số nước trong khu vực châu Á và một số quốc gia trên thế giới. Y học giấc ngủ bao gồm các bệnh lý chuyên ngành và một số bệnh lý có liên quan đến nhiều chuyên ngành khác nhau như thần kinh, tâm thần, hô hấp – tim mạch, tai mũi họng, lão khoa và dinh dưỡng.

Khóa học đào tạo y khoa liên tục Y học giấc ngủ chương trình 06 tháng với chủ đề “Chẩn đoán và điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ” của Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam nhằm cung cấp các kiến thức chuyên ngành về sinh lý giấc ngủ, các bệnh lý giấc ngủ thường gặp như mất ngủ, ngủ rũ, hội chứng chân không yên, rối loạn giấc ngủ ở phụ nữ có thai, bệnh thần kinh, các tình trạng bệnh lý liên quan giấc ngủ như các rối loạn hô hấp khi ngủ, hội chứng cận giấc ngủ, động kinh trong khi ngủ...; các phương pháp để thăm dò chẩn đoán, điều trị, tư vấn về các rối loạn giấc ngủ. Ngoài ra, chương trình đào tạo nhằm để phát triển mạng lưới cán bộ y tế chuyên ngành về y học giấc ngủ tham gia vào việc chăm sóc sức khỏe giấc ngủ cho người bệnh.

Hội Y học giấc ngủ Việt Nam là tổ chức xã hội nghề nghiệp chuyên ngành được Bộ Nội vụ ra quyết định thành lập theo Quyết định số 1071/QĐ-BNV ngày 10/12/2019; Bộ Y tế cấp mã ngành đào tạo theo Quyết định số 37/QĐ-K2ĐT ngày 14/4/2022 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế về việc Cấp mã cơ sở Đào tạo liên tục CBYT cho Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam (mã số B86).

Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam tổ chức khóa học đào tạo y khoa liên tục 06 tháng “*Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn*” là cần thiết và đảm bảo chuyên môn về chuyên ngành y học giấc ngủ cũng như việc tổ chức đào tạo và thực hiện quản lý đào tạo sau khi chương trình đào tạo được Hội đồng chuyên môn Hội Y học giấc ngủ Việt Nam thẩm định, phê duyệt và ban hành theo quy định hiện hành. Đối tượng tham gia khóa học bao gồm các bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa, cán bộ y tế chuyên ngành khoa học sức khỏe khác.

Lớp “*Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn*” được tổ chức trong 06 tháng, bao gồm 960 tiết với 260 tiết lý thuyết được trình bày trong 66 bài học và 700 tiết thực hành được trình bày trong 12 bài thực hành.

2. Mục tiêu khóa học:

2.1. Kiến thức:

Hiểu được sinh lý bệnh, dịch tễ học, biểu hiện lâm sàng, đánh giá, chẩn đoán và điều trị các loại rối loạn giấc ngủ.

- Nắm được vai trò của chăm sóc sức khỏe từ xa và các phương pháp thay thế trong quản lý về y học giấc ngủ.

- Trình bày được sinh lý học giấc ngủ và các yếu tố ảnh hưởng đến giấc ngủ ở người khỏe mạnh và người có bệnh lý đồng mắc.

- Trình bày được các thay đổi bất thường của giấc ngủ về nhịp sinh học, chu kỳ thức – ngủ.

- Trình bày được các chỉ định về các phương pháp thăm dò giấc ngủ như đa ký giấc ngủ, đa ký hô hấp khi ngủ, các nghiệm pháp đánh giá giấc ngủ và sự tỉnh táo.

- Phân tích được các thông số đo đa ký giấc ngủ, các thông số kỹ thuật điều trị với máy thở áp lực dương trong ngưng thở khi ngủ.

- Chẩn đoán được các bệnh lý liên quan đến giấc ngủ và rối loạn giấc ngủ ở phụ nữ mang thai, ở người bị động kinh và sa sút trí tuệ.

- Giải thích được cơ chế của các biểu hiện lâm sàng và cận lâm sàng trong một số bệnh lý giấc ngủ thường gặp như mất ngủ, ngủ rũ, hội chứng chân không yên, hội chứng cận giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ.

- Giải thích được cơ chế của các thuốc, phương pháp điều trị dung thuốc và không dung thuốc trong các rối loạn giấc ngủ theo chuyên ngành y học giấc ngủ.

- Áp dụng kiến thức trong chẩn đoán, điều trị và theo dõi một số bệnh lý giấc ngủ thường gặp tại tuyến cơ sở theo nguyên lý y học gia đình và telemedicine.

2.2. Kỹ năng:

- Phát triển năng lực ở cấp độ chuyên khoa trong chẩn đoán và điều trị các rối loạn giấc ngủ, bao gồm kiến thức, kỹ năng và thái độ trong thực hành nghề nghiệp thực tế, các kỹ năng chính bao gồm:

+ Nghiên cứu sâu về sinh lý học thần kinh về giấc ngủ, sự thức tỉnh, tập trung vào toàn bộ các khía cạnh của giấc ngủ, các bệnh lý đi kèm và quá trình thăm khám thực tế.

+ Giải thích và phân tích được các bất thường trong thực hiện các thăm dò chẩn đoán về giấc ngủ (PSG, MSLT, MWT, HSAT, actigraphy...)

+ Xây dựng được phương thức điều trị kết hợp giáo dục sức khỏe, các biện pháp phòng ngừa, điều trị hành vi, điều trị bằng thuốc, không dung thuốc và dựa trên việc sử dụng các trang thiết bị.

- Thực hiện thành thạo các quy trình đo đa ký giấc ngủ, bao gồm chuẩn bị cho bệnh nhân, thu thập dữ liệu, các đề kỹ thuật và giải thích kết quả cho người bệnh.

- Phát triển được các kỹ năng về giáo dục bệnh nhân, kiểm soát hành vi và nhận thức hành vi (CBT) để kiểm soát các rối loạn giấc ngủ.

- Đánh giá sự đa dạng của hệ thống chăm sóc sức khỏe và nguồn lực về y học giấc ngủ từ tuyến cơ sở đến chuyên khoa để có định hướng phát triển kỹ năng phù hợp.

- Có đủ kiến thức và kỹ năng để điều trị bệnh nhân mắc hội chứng ngưng thở khi ngủ bằng máy CPAP và không sử dụng CPAP.

- Quản lý và điều hành các hoạt động liên quan đến y học giấc ngủ thông qua hoạt động chuyên môn và tuyên truyền giáo dục cho cộng đồng.

2.3. Thái độ:

- Thái độ thể hiện được nhận thức về tầm quan trọng của các bệnh lý giấc ngủ trong y học và thực hành lâm sàng.

- Thái độ tích cực, tác phong nhanh nhẹn, chính xác trong thực hiện hỏi bệnh, thăm khám lâm sàng và thực hiện các kỹ thuật thăm dò trên người bệnh.

- Rèn luyện thái độ thận trọng, tỷ mỉ và thấu hiểu tâm lý người bệnh trong tác phong thực hành nghề nghiệp.

3. Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên:

- Đối tượng: bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa, cán bộ y tế chuyên ngành khoa học sức khỏe khác.

4. Chương trình chi tiết:

Tổng thời gian là 06 tháng với thời lượng học tập là 960 tiết, bao gồm 260 tiết lý thuyết và 700 tiết thực hành.

Mỗi tiết học được thiết kế 50 phút, giảng dạy theo hình thức trực tuyến (lý thuyết) và trực tiếp (lý thuyết và thực hành).

4.1. Phần lý thuyết: 66 bài, 260 tiết.

STT	Nội dung	Số tiết
1.	Sinh lý học thần kinh giấc ngủ cơ chế kiểm soát giấc ngủ	04
2.	Sinh lý học thần kinh giấc ngủ điều hòa sinh học của chu trình thức và ngủ	04
3.	Sinh lý học thần kinh giấc ngủ đặc điểm sinh lý giấc ngủ NON-REM (NREM)	04
4.	Sinh lý học thần kinh giấc ngủ đặc điểm sinh lý giấc ngủ REM	04
5.	Sinh lý học thần kinh trạng thái thức tỉnh	04
6.	Giấc ngủ và hoạt động nhận thức	04
7.	Dịch tễ học, yếu tố nguy cơ và các vấn đề sức khỏe bệnh mất ngủ	02
8.	Chẩn đoán, nhận định và đánh giá bệnh mất ngủ	04
9.	Tổng quan lâm sàng quản lý bệnh mất ngủ	02
10.	Tổng quan về thuốc điều trị mất ngủ	04
11.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm BENZODIAZEPINES (BZDs)	04
12.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm thuốc Z (Z-DRUGS)	04
13.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm BARBITURATES	04
14.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm thuốc tác động lên hệ thống melatonin	04
15.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm thuốc đối vận thụ thể OREXIN kép	04

16.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ:nhóm đối vận thụ thể Histamin H1 và “OFF-LABEL”	04
17.	Điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ: phương pháp và kỹ thuật thực hiện	08
18.	Điều trị nhận thức hành vi bệnh mất ngủ: hiệu lực, hiệu quả và mức độ phổ biến	08
19.	Điều trị nhận thức hành vi bệnh mất ngủ: Phương pháp tiếp cận kỹ thuật số và Telehealth	06
20.	Bệnh mất ngủ điều trị bệnh mất ngủ không dùng thuốc	04
21.	Điều trị mất ngủ không dùng thuốc: thực hành thiền chánh niệm	08
22.	Các rối loạn cận giấc ngủ giai đoạn không REM	04
23.	Rối loạn cận giấc ngủ giai đoạn REM	04
24.	Hội chứng chân không yên - RLS	04
25.	Cử động chi có chu kỳ khi ngủ - PLM	04
26.	Ngủ rũ (ngủ liệm)	04
27.	Rối loạn nhịp sinh học thức - ngủ rối loạn nhịp thức ngủ muộn - sớm và khác 24 giờ	04
28.	Rối loạn nhịp sinh học thức - ngủ Rối loạn thức ngủ không đều - làm việc theo ca lệch múi giờ - JET LAG	04
29.	Các rối loạn giấc ngủ khác ngủ nhiều vô căn và hội chứng KLEINE-LEVIN	04
30.	Sinh lý giấc ngủ khi mang thai thay đổi nội tiết và sinh lý giấc ngủ	04
31.	Rối loạn giấc ngủ khi mang thai - bệnh mất ngủ và thai kì	04
32.	Rối loạn giấc ngủ khi mang thai Hội chứng chân không yên và các rối loạn khác	04

33.	Rối loạn giấc ngủ khi mang thai ảnh hưởng các biến chứng thai kỳ trên giấc ngủ	04
34.	Rối loạn giấc ngủ khi mang thai yếu tố biểu sinh và hệ quả tâm lý - xã hội	04
35.	Rối loạn giấc ngủ và bệnh động kinh	04
36.	Rối loạn giấc ngủ và bệnh lý gây đau - Đau đầu mãn tính và giấc ngủ	04
37.	Rối loạn giấc ngủ và bệnh lý gây đau - Con đau mãn tính và giấc ngủ	04
38.	Rối loạn hô hấp liên quan đến giấc ngủ	04
39.	Đại cương giấc ngủ - sự tỉnh táo - sinh lý học và thăm dò chức năng ứng dụng trong ngưng thở khi ngủ	04
40.	Sinh lý tim mạch và hô hấp trong giấc ngủ	04
41.	Ghi nhận chẩn đoán từ đo độ bão hòa Oxy đến đa ký giấc ngủ - nguyên tắc và chỉ định	04
42.	Đánh giá chứng buồn ngủ và sự tỉnh táo	04
43.	Ngáy, người ngủ ngáy, Hội chứng tăng kháng lực đường hô hấp trên và hướng dẫn chẩn đoán trước bệnh ngủ nhiều	04
44.	Đại cương, định nghĩa - phân loại & cơ chế sinh bệnh học Ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	04
45.	Dịch tễ học và gánh nặng y tế - sức khỏe ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	04
46.	Yếu tố nguy cơ và tình trạng bệnh lý liên quan ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	04
47.	Chẩn đoán ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	04
48.	Tầm soát ngưng thở khi ngủ	04
49.	Biến chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	04
50.	Điều trị ngưng thở khi ngủ	04
51.	Theo dõi bệnh nhân ngưng thở khi ngủ	04
52.	Cá thể hóa chẩn đoán và điều trị ngưng thở khi ngủ	04
53.	Tổng quan lâm sàng về chẩn đoán điều trị ngưng thở khi ngủ	04

54.	Hội chứng ngưng thở khi ngủ và bệnh lý tim mạch	04
55.	Hội chứng ngưng thở khi ngủ trên bệnh nhân suy tim	04
56.	Rối loạn giấc ngủ trong bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	04
57.	Điều trị Hội chứng ngưng thở khi ngủ bằng thông khí áp lực dương liên tục về đêm	04
58.	Theo dõi bệnh nhân ngưng thở khi ngủ được điều trị bằng thông khí áp lực dương liên tục	04
59.	Theo dõi bệnh nhân bị hội chứng ngưng thở khi ngủ điều trị bằng thông khí áp lực dương tại Việt Nam	04
60.	Buồn ngủ kéo dài trên bệnh nhân điều trị bằng thông khí áp lực dương	04
61.	Điều trị hội chứng ngưng thở khi ngủ bằng dụng cụ đặt trong miệng	04
62.	Kỹ thuật đo đa ký hô hấp	04
63.	Kỹ thuật đo đa ký giấc ngủ	04
64.	Kỹ thuật đọc kết quả đa ký hô hấp	04
65.	Kỹ thuật đọc kết quả đa ký giấc ngủ	04
66.	Kỹ thuật sử dụng máy thở áp lực dương liên tục CPAP	04

4.2. Phần Thực hành: 12 bài, 700 tiết.

STT	Nội dung	Số tiết
1.	Thực hành chẩn đoán, nhận định và đánh giá lâm sàng bệnh mất ngủ	40
2.	Các phương pháp đánh giá giấc ngủ bằng thiết bị cá nhân	40
3.	Các phương pháp thăm dò buồn ngủ ban ngày và cảnh tỉnh - nghiệm pháp đa tiềm thời và cảnh tỉnh	40
4.	Phương pháp điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ	40
5.	Điều trị mất ngủ không dùng thuốc - thực hành thiền chánh niệm	40
6.	Thực hành đọc kết quả PSG về bệnh ngủ rũ	40
7.	Thực hành đọc kết quả PSG về hội chứng chân không yên và cử động chi bất thường khi ngủ	40
8.	Thực hành kỹ thuật đo đa ký hô hấp	40
9.	Thực hành kỹ thuật đo đa ký giấc ngủ	40
10.	Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký hô hấp	120

11.	Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký giấc ngủ	120
12.	Thực hành kỹ thuật sử dụng máy thở áp lực dương liên tục CPAP	100

5. Tên tài liệu dạy - học

- Tài liệu chính thức: Giáo trình “*Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn*” (VSSM – 2024; 600 trang – Lưu hành nội bộ).

(Hội Y học giấc ngủ Việt Nam – Ban hành tháng 8 năm 2024 - Lưu hành nội bộ).

- Tài liệu tham khảo:

+ Hướng dẫn phân loại bệnh giấc ngủ ICSD-3 2014, ICSD-3 RT 2023, AASM 2017/2019/2021/2023.

+ Y học giấc ngủ cơ bản - Kỹ thuật thăm dò Giấc ngủ và Hỗ trợ ngưng thở khi ngủ bằng máy thở áp lực dương & Chuyên đề (Hội Y học giấc ngủ Việt Nam 2022 - lưu hành nội bộ).

+ Chẩn đoán và điều trị ngưng thở khi ngủ, Hội Y học giấc ngủ Việt Nam – 2023 - NXB Y học.

+ Các sách Textbook Nguyên lý chẩn đoán và điều trị các rối loạn giấc ngủ (đính kèm trong TLTK của giáo trình).

6. Phương pháp dạy - học

Các nội dung lý thuyết và thực hành được thực hiện lồng ghép bằng nhiều phương pháp dạy - học được mô tả cụ thể, gồm:

- Phương pháp thuyết trình ngắn tích cực hóa học viên.
- Phương pháp thảo luận nhóm.
- Phương pháp thao tác mẫu và thực hành bằng bảng kiểm.
- Phương pháp cầm tay chỉ việc.
- Phương pháp động não.
- Phương pháp dạy học tại phòng khám bệnh.

7. Tiêu chuẩn giảng viên và trợ giảng

- Tiêu chuẩn chuyên môn của giảng viên và trợ giảng giảng dạy lý thuyết: Tốt nghiệp từ thạc sĩ - chuyên khoa cấp I trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm y học theo chương trình của Bộ Y tế; có bằng y học giấc ngủ thế giới (WSS – World Sleep Society) và các chứng chỉ chuyên ngành của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam.

- Tiêu chuẩn giảng viên dạy thực hành lâm sàng: Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp lĩnh vực và có bằng y học giấc ngủ thế giới (WSS – World Sleep Society) và các chứng chỉ chuyên ngành của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam.

- Số lượng giảng viên cần cho khóa học: tối thiểu là 12 người, trong đó số giảng viên và trợ giảng để giảng dạy lý thuyết cần tối thiểu 04 giảng viên, số giảng viên giảng dạy thực hành cần tối thiểu 8 giảng viên.

8. Thiết bị, học liệu cho khóa học

- Phòng học lý thuyết và thực hành.
- Máy chiếu, màn hình trình chiếu.
- Các thiết bị mô phỏng: mô hình người, mô hình đầu người, mô hình người bán thân.
- Máy đo đa ký giấc ngủ, đa ký hô hấp: máy Apnealink Air, máy Nox A1, máy Nox T3s, máy đo đa ký giấc ngủ Neurosoft, BrainBand.
- Máy CPAP, BiPAP, hệ thống Titration CPAP, Máy thăm dò hô hấp – tìm mạch khác: phế thân ký, CPET.

9. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình

9.1. Đào tạo trực tiếp: Thực hành

- Đơn vị chủ trì: Trung tâm Đào tạo - Hội Y học giấc ngủ Việt Nam; địa chỉ 269A Phan Đình Phùng, Đà Lạt.
- Tuyển sinh: trong cả nước. Tiêu chí tuyển sinh như mục 3 nêu trên.
- Địa điểm: Các cơ sở thực hành Lâm sàng và đào tạo của Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam theo hợp đồng hợp tác đã được ký kết.
- Điều kiện mở lớp: khi có tối thiểu 15 học viên
- Số lượng học viên: mỗi lớp không quá 70 học viên
- Hình thức học: Lý thuyết học Trực tuyến, Thực hành học tập trung theo từng đợt hoặc liên tục.
- Tổ chức khai giảng: khai giảng khóa đào tạo trước khi tổ chức đào tạo theo đúng thủ tục, nghi thức như quy định hiện hành đảm bảo trang nghiêm, phù hợp.
- Tổ chức bế giảng: bế giảng khóa đào tạo và phát chứng chỉ sau khi xét công nhận đủ điều kiện hoàn thành khóa học theo đúng thủ tục, nghi thức như quy định hiện hành đảm bảo trang nghiêm, phù hợp.

- Đánh giá đầu vào (trước khóa học): kiến thức theo mục tiêu của khóa học, được xây dựng riêng cho mỗi khoa học.

- Đánh giá đầu ra (sau khóa học): đánh giá kiến thức theo đúng mục tiêu của khóa học, được xây dựng riêng cho mỗi khoa học.

9.2. Đào tạo trực tuyến qua mạng Internet (E-learning): Lý thuyết

Hội Y học giấc ngủ Việt Nam thực hiện đào tạo lý thuyết trực tuyến thông qua các nền tảng: google meet, zoom meeting, Z-kawa.

- Cách thức thực hiện: Căn cứ kế hoạch đào tạo, trước buổi học giảng viên sẽ tạo và gửi đường dẫn đến địa chỉ lớp học cho học viên. Học viên đăng nhập theo hệ thống vào tham gia lớp học.

- Thiết bị/ phần mềm cần có: theo phương thức học tập

- Quản lý học tập: Ban đào tạo thực hiện quản lý đào tạo theo đúng chương trình đào tạo.

- Cách tổ chức thi/kiểm tra lý thuyết, thực hành: thi, kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thực hành hiện các kỹ thuật thăm dò về giấc ngủ trên người bệnh mô phỏng.

10. Đánh giá và cấp giấy chứng nhận đào tạo liên tục

- Cách đánh giá:

- + Điểm chuyên cần tham dự lớp: 10%

- + Điểm đánh giá thường xuyên trong quá trình học: 40%, bao gồm cả đánh giá các chỉ tiêu tay nghề trong quá trình thực hành, thực tập, Sở thực hành.

- + Điểm đánh giá kết thúc: 50% (thi trắc nghiệm lý thuyết và đánh giá thực hành đo đa ký giấc ngủ).

Lưu ý: học viên không được vắng học quá 10% tổng số tiết học lý thuyết và không được vắng học thực hành; hình thức đánh giá cuối kì: câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi nhỏ, tình huống lâm sàng, Sở thu hoạch...

- Điều kiện để được đánh giá là đạt: Học viên có kết quả học tập đạt từ 60 điểm trở lên theo thang điểm 100.

Cấp chứng chỉ chứng nhận đào tạo liên tục: ***“Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn”***.

- Giá trị chứng chỉ: theo Quyết định số 37/QĐ-K2ĐT ngày 14/4/2022 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế về việc Cấp mã cơ sở Đào tạo liên tục CBYT cho Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam.

10.a. Lưu ý chung:

- Đối với học viên đã theo học và được cấp chứng chỉ chương trình đào tạo 3 tháng của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam, sẽ học bổ sung những học phần chưa học và thi để được cấp chứng chỉ 6 tháng theo quy chế liên thông.

- Chương trình liên thông bảo đảm đúng quy định 960 tiết, bao gồm 260 tiết lý thuyết và 700 tiết thực hành.

11. Chỉ tiêu tay nghề:

Các chỉ tiêu kỹ năng cần đạt sau khóa học, gồm:

Stt	Tên bài	Số tiết TH	Kỹ năng/ thủ thuật	Chỉ tiêu (số lần tối thiểu/HV)
1.	Thực hành chẩn đoán, nhận định và đánh giá lâm sàng bệnh mất ngủ	40	Thực hiện đúng quy trình chẩn đoán, nhận định và đánh giá lâm sàng bệnh mất ngủ	06
2.	Các phương pháp đánh giá giấc ngủ bằng thiết bị cá nhân	40	Thực hiện đúng quy trình đánh giá giấc ngủ bằng thiết bị cá nhân	06
3.	Các phương pháp thăm dò buồn ngủ ban ngày và cảnh tỉnh - nghiệm pháp đa tiềm thời và cảnh tỉnh	40	Thực hiện đúng quy trình thăm dò buồn ngủ ban ngày và cảnh tỉnh - nghiệm pháp đa tiềm thời và cảnh tỉnh	06
4.	Phương pháp điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ	40	Thực hiện đúng quy trình điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ	06
5.	Điều trị mất ngủ không dùng thuốc - thực hành thiền chánh niệm	40	Thực hiện đúng quy trình Điều trị mất ngủ không dùng thuốc - thực hành thiền chánh niệm	06
6.	Thực hành đọc kết quả psg về bệnh ngủ rũ	40	Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả chỉ định điều trị trên bệnh nhân	03

7.	Thực hành đọc kết quả PSG về hội chứng chân không yên và cử động chi bất thường khi ngủ	40	Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả chỉ định điều trị trên bệnh nhân	03
8.	Thực hành kỹ thuật đo đa ký hô hấp	40	Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đo đa ký hô hấp (với tất cả các loại máy đo)	06
9.	Thực hành kỹ thuật đo đa ký giấc ngủ	40	Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đo đa ký Giấc ngủ (với tất cả các loại máy đo)	06
10.	Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký hô hấp	120	Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả đo đa ký giấc ngủ và chỉ định điều trị trên bệnh nhân	12
11.	Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký giấc ngủ	120	Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả đo đa ký giấc ngủ và chỉ định điều trị trên bệnh nhân	12
12.	Thực hành kỹ thuật sử dụng máy thở áp lực dương liên tục CPAP	100	Thực hiện đúng kỹ thuật thở máy áp lực dương liên tục CPAP	06

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN TỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 22-12/QĐ-HYHGNVN ngày 22/12 /2024
của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam)

1. Tên khoá học và giới thiệu chung về khóa học:

1.1. Tên khoá học:

“Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn và trẻ em”

1.2. Giới thiệu:

Y học giấc ngủ là một chuyên ngành còn non trẻ không chỉ ở Việt Nam mà còn tại một số nước trong khu vực châu Á và một số quốc gia trên thế giới. Y học giấc ngủ bao gồm các bệnh lý chuyên ngành và một số bệnh lý có liên quan đến nhiều chuyên ngành khác nhau như thần kinh, tâm thần, hô hấp – tim mạch, tai mũi họng, lão khoa và dinh dưỡng.

Khóa học đào tạo y khoa liên tục Y học giấc ngủ chương trình 09 tháng với chủ đề **“Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn và trẻ em”** của Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam nhằm cung cấp các kiến thức chuyên ngành về sinh lý giấc ngủ, các bệnh lý giấc ngủ thường gặp như mất ngủ, ngủ rũ, hội chứng chân không yên, rối loạn giấc ngủ ở phụ nữ có thai, bệnh thần kinh, các tình trạng bệnh lý liên quan giấc ngủ như các rối loạn hô hấp khi ngủ, hội chứng cận giấc ngủ, động kinh trong khi ngủ...trên đối tượng người lớn và trẻ em; các phương pháp để thăm dò chẩn đoán, điều trị, tư vấn về các rối loạn giấc ngủ. Ngoài ra, chương trình đào tạo nhằm để phát triển mạng lưới cán bộ y tế chuyên ngành về y học giấc ngủ tham gia vào việc chăm sóc sức khỏe giấc ngủ cho người bệnh.

Hội Y học giấc ngủ Việt Nam là tổ chức xã hội nghề nghiệp chuyên ngành được Bộ Nội vụ ra quyết định thành lập theo Quyết định số 1071/QĐ-BNV ngày 10/12/2019; Bộ Y tế cấp mã ngành đào tạo theo Quyết định số 37/QĐ-K2ĐT ngày 14/4/2022 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế về việc Cấp mã cơ sở Đào tạo liên tục CBYT cho Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam (mã số B86).

Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam tổ chức khóa học đào tạo y khoa liên tục 06 tháng ***“Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn và trẻ em”*** là cần thiết và đảm bảo chuyên môn về chuyên ngành y học giấc ngủ cũng như việc tổ chức đào tạo và thực hiện quản lý đào tạo sau khi chương trình đào tạo được Hội đồng chuyên môn Hội Y học giấc ngủ Việt Nam thẩm định, phê duyệt và ban hành theo quy định hiện hành. Đối tượng tham gia khóa học bao gồm các bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa, cán bộ y tế chuyên ngành khoa học sức khỏe khác.

Lớp ***“Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn và trẻ em”*** được tổ chức trong 09 tháng, bao gồm 1436 tiết với 398 tiết lý thuyết được trình bày trong 116 bài học trong học phần bắt buộc và 11 bài học trong học phần Tham khảo và 1038 tiết thực hành được trình bày trong 24 bài thực hành.

2. Mục tiêu khóa học:

2.1. Kiến thức:

- Trình bày được cơ sở sinh lý học của giấc ngủ bình thường ở người lớn và trẻ em.
- Phân tích được các giai đoạn của chu kỳ giấc ngủ và những thay đổi theo lứa tuổi.
- Trình bày được nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh và phân loại các rối loạn giấc ngủ thường gặp.
- Mô tả được đặc điểm lâm sàng và tiêu chuẩn chẩn đoán các rối loạn như mất ngủ, ngủ rũ, hội chứng chân không yên, và rối loạn nhịp thức-ngủ.
- Nhận biết được các rối loạn giấc ngủ liên quan đến thai kỳ, rối loạn thần kinh, tâm thần và các bệnh nội khoa.
- Phân biệt được các dạng ngưng thở khi ngủ do tắc nghẽn, trung ương và hỗn hợp ở người lớn và trẻ em.
- Trình bày được các phương pháp thăm dò giấc ngủ như đa ký giấc ngủ (polysomnography), trắc nghiệm ngủ ban ngày (MSLT/MWT), và các công cụ tầm soát khác.
- Trình bày được các chiến lược điều trị không dùng thuốc và dùng thuốc cho từng nhóm rối loạn giấc ngủ.
- Trình bày được vai trò và nguyên tắc sử dụng CPAP/BiPAP trong điều trị ngưng thở khi ngủ.

- Phân tích được các yếu tố nguy cơ, hậu quả lâu dài và chiến lược dự phòng rối loạn giấc ngủ trong cộng đồng.

2.2. Kỹ năng:

- Thực hiện được khai thác bệnh sử giấc ngủ một cách hệ thống ở người lớn và trẻ em.

- Thực hiện được đánh giá lâm sàng ban đầu để phân loại nhóm rối loạn giấc ngủ nghi ngờ.

- Sử dụng được các thang điểm, bảng hỏi đánh giá giấc ngủ như ESS, PSQI, STOP-Bang...

- Chỉ định được các xét nghiệm, thăm dò phù hợp như đa ký giấc ngủ (PSG), đo bão hòa oxy đêm, actigraphy...

- Phân tích được dữ liệu ghi nhận từ đa ký giấc ngủ để hỗ trợ chẩn đoán.

- Lập được kế hoạch điều trị cá thể hóa phù hợp cho từng loại rối loạn giấc ngủ.

- Thực hiện được tư vấn và hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thiết bị hỗ trợ hô hấp như CPAP, BiPAP.

- Phối hợp được với các chuyên khoa khác (tai mũi họng, nội tiết, thần kinh, tâm thần...) trong quản lý toàn diện bệnh nhân.

- Thực hiện được tư vấn vệ sinh giấc ngủ và điều chỉnh lối sống cho người bệnh.

- Xây dựng được chương trình quản lý và theo dõi lâu dài cho người bệnh có rối loạn giấc ngủ mãn tính.

2.3. Thái độ:

- Có thái độ nghiêm túc, trách nhiệm trong tiếp cận và quản lý các rối loạn giấc ngủ.

- Tôn trọng quyền riêng tư và bảo mật thông tin giấc ngủ của người bệnh.

- Thể hiện sự đồng cảm với các bệnh nhân rối loạn giấc ngủ, đặc biệt là nhóm dễ tổn thương như trẻ em và người cao tuổi.

- Chủ động học tập suốt đời để cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực Y học giấc ngủ.

- Hợp tác tốt trong nhóm liên chuyên khoa để nâng cao hiệu quả chăm sóc giấc ngủ cho cộng đồng.

3. Đối tượng, yêu cầu đầu vào đối với học viên:

- Đối tượng: bác sĩ đa khoa, bác sĩ chuyên khoa, cán bộ y tế chuyên ngành khoa học sức khỏe khác.

4. Chương trình chi tiết:

1436 tiết, bao gồm 398 tiết lý thuyết và 1038 tiết thực hành.

Mỗi tiết học được thiết kế 50 phút, giảng dạy theo hình thức trực tuyến (lý thuyết) và trực tiếp (lý thuyết và thực hành).

4.1. Phần lý thuyết: 127 bài, 398 tiết.

STT	Nội dung	Số tiết
PHẦN I. NGƯỜI LỚN		
67.	Sinh lý học thần kinh giấc ngủ cơ chế kiểm soát giấc ngủ	04
68.	Sinh lý học thần kinh giấc ngủ điều hòa sinh học của chu trình thức và ngủ	04
69.	Sinh lý học thần kinh giấc ngủ đặc điểm sinh lý giấc ngủ NON-REM (NREM)	04
70.	Sinh lý học thần kinh giấc ngủ đặc điểm sinh lý giấc ngủ REM	04
71.	Sinh lý học thần kinh trạng thái thức tỉnh	04
72.	Giấc ngủ và hoạt động nhận thức	04
73.	Dịch tễ học, yếu tố nguy cơ và các vấn đề sức khỏe bệnh mất ngủ	02
74.	Chẩn đoán, nhận định và đánh giá bệnh mất ngủ	04
75.	Tổng quan lâm sàng quản lý bệnh mất ngủ	02
76.	Tổng quan về thuốc điều trị mất ngủ	04
77.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm BENZODIAZEPINES (BZDs)	04
78.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm thuốc Z (Z-DRUGS)	04
79.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm BARBITURATES	04
80.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm thuốc tác động lên hệ thống melatonin	04
81.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ: nhóm thuốc đối vận thụ thể OREXIN kép	04

82.	Các thuốc điều trị bệnh mất ngủ:nhóm đối vận thụ thể Histamin H1 và “OFF-LABEL”	04
83.	Điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ: phương pháp và kỹ thuật thực hiện	08
84.	Điều trị nhận thức hành vi bệnh mất ngủ: hiệu lực, hiệu quả và mức độ phổ biến	08
85.	Điều trị nhận thức hành vi bệnh mất ngủ: Phương pháp tiếp cận kỹ thuật số và Telehealth	06
86.	Bệnh mất ngủ điều trị bệnh mất ngủ không dùng thuốc	04
87.	Điều trị mất ngủ không dùng thuốc: thực hành thiền chánh niệm	08
88.	Các rối loạn cận giấc ngủ giai đoạn không REM	04
89.	Rối loạn cận giấc ngủ giai đoạn REM	04
90.	Hội chứng chân không yên - RLS	04
91.	Cử động chi có chu kỳ khi ngủ - PLM	04
92.	Ngủ rũ (ngủ liệm)	04
93.	Rối loạn nhịp sinh học thức - ngủ rối loạn nhịp thức ngủ muộn - sớm và khác 24 giờ	04
94.	Rối loạn nhịp sinh học thức - ngủ Rối loạn thức ngủ không đều - làm việc theo ca lệch múi giờ - JET LAG	04
95.	Các rối loạn giấc ngủ khác ngủ nhiều vô căn và hội chứng KLEINE-LEVIN	04
96.	Sinh lý giấc ngủ khi mang thai thay đổi nội tiết và sinh lý giấc ngủ	04
97.	Rối loạn giấc ngủ khi mang thai - bệnh mất ngủ và thai kì	04
98.	Rối loạn giấc ngủ khi mang thai Hội chứng chân không yên và các rối loạn khác	04

99.	Rối loạn giấc ngủ khi mang thai ảnh hưởng các biến chứng thai kỳ trên giấc ngủ	04
100	Rối loạn giấc ngủ khi mang thai yếu tố biểu sinh và hệ quả tâm lý - xã hội	04
101	Rối loạn giấc ngủ và bệnh động kinh	04
102	Rối loạn giấc ngủ và bệnh lý gây đau - Đau đầu mãn tính và giấc ngủ	04
103	Rối loạn giấc ngủ và bệnh lý gây đau - Con đau mãn tính và giấc ngủ	04
104	Rối loạn hô hấp liên quan đến giấc ngủ	04
105	Đại cương giấc ngủ - sự tỉnh táo - sinh lý học và thăm dò chức năng ứng dụng trong ngưng thở khi ngủ	04
106	Sinh lý tim mạch và hô hấp trong giấc ngủ	04
107	Ghi nhận chẩn đoán từ đo độ bão hòa Oxy đến đa ký giấc ngủ - nguyên tắc và chỉ định	04
108	Đánh giá chứng buồn ngủ và sự tỉnh táo	04
109	Ngáy, người ngủ ngáy, Hội chứng tăng kháng lực đường hô hấp trên và hướng dẫn chẩn đoán trước bệnh ngủ nhiều	04
110	Đại cương, định nghĩa - phân loại & cơ chế sinh bệnh học Ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	04
111	Dịch tễ học và gánh nặng y tế - sức khỏe ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	04
112	Yếu tố nguy cơ và tình trạng bệnh lý liên quan ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	04
113	Chẩn đoán ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	04
114	Tầm soát ngưng thở khi ngủ	04
115	Biến chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	04
116	Điều trị ngưng thở khi ngủ	04
117	Theo dõi bệnh nhân ngưng thở khi ngủ	04
118	Cá thể hóa chẩn đoán và điều trị ngưng thở khi ngủ	04
119	Tổng quan lâm sàng về chẩn đoán điều trị ngưng thở khi ngủ	04

120	Hội chứng ngưng thở khi ngủ và bệnh lý tim mạch	04
121	Hội chứng ngưng thở khi ngủ trên bệnh nhân suy tim	04
122	Rối loạn giấc ngủ trong bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính (COPD)	04
123	Điều trị Hội chứng ngưng thở khi ngủ bằng thông khí áp lực dương liên tục về đêm	04
124	Theo dõi bệnh nhân ngưng thở khi ngủ được điều trị bằng thông khí áp lực dương liên tục	04
125	Theo dõi bệnh nhân bị hội chứng ngưng thở khi ngủ điều trị bằng thông khí áp lực dương tại Việt Nam	04
126	Buồn ngủ kéo dài trên bệnh nhân điều trị bằng thông khí áp lực dương	04
127	Điều trị hội chứng ngưng thở khi ngủ bằng dụng cụ đặt trong miệng	04
128	Kỹ thuật đo đa ký hô hấp	04
129	Kỹ thuật đo đa ký giấc ngủ	04
130	Kỹ thuật đọc kết quả đa ký hô hấp	04
131	Kỹ thuật đọc kết quả đa ký giấc ngủ	04
132	Kỹ thuật sử dụng máy thở áp lực dương liên tục CPAP	04
PHẦN II. TRẺ EM		
133	Lịch sử y học giấc ngủ nhi khoa	2
134	Sự phát triển giấc ngủ ở trẻ sơ sinh và trẻ em	2
135	Nhịp sinh học và các rối loạn nhịp sinh học thức - ngủ ở trẻ em và thanh thiếu niên	4
136	Sinh lý Giấc ngủ trong giai đoạn vị thành niên	4
137	Dược lý học liên quan đến giấc ngủ trong Nhi khoa	2
138	Hành vi giấc ngủ lành mạnh	2
139	Khai thác bệnh sử giấc ngủ trong nhi khoa	2
140	Chẩn đoán phân biệt trong Y học giấc ngủ Nhi khoa	4
141	Cơ động kinh liên quan đến giấc ngủ và bệnh động kinh	2
142	Đau quặn bụng và rối loạn giấc ngủ trẻ em	2
143	Giấc ngủ và bệnh trào ngược dạ dày thực quản ở trẻ em	2
144	Giấc ngủ và cơn đau	2
145	Đái dầm và hội chứng ngưng thở khi ngủ tắc nghẽn ở trẻ em	2

146	Các vấn đề về giờ đi ngủ và thức giấc về đêm ở trẻ em	2
147	Rối loạn tăng động giảm chú ý và rối loạn giấc ngủ ở trẻ em	4
148	Các rối loạn Giấc ngủ trong rối loạn phổ tự kỷ	2
149	Hội chứng chuyển hóa và béo phì	2
150	Bệnh ngủ rũ	2
151	Ngủ nhiều vô căn	2
152	Hội chứng Kleine-Levin và chứng ngủ nhiều tái phát	2
153	Chứng ngủ nhiều sau chấn thương và sau phẫu thuật thần kinh ở trẻ em	2
154	Ngủ nhiều liên quan đến thuốc trong Nhi khoa	2
155	Sinh lý hô hấp bình thường trong khi ngủ ở trẻ sơ sinh và trẻ em	4
156	Cơn ngưng thở ở trẻ sinh non	2
157	Ngưng thở ở trẻ sơ sinh và các sự kiện đe dọa tính mạng	2
158	Ngủ ngáy nguyên phát ở trẻ em	2
159	Hội chứng ngưng thở khi ngủ do tắc nghẽn ở trẻ em: sinh lý bệnh và đặc điểm lâm sàng	4
160	Chẩn đoán Hội chứng Ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ ở trẻ em	4
161	Các phương tiện để theo dõi và chẩn đoán OSA ở trẻ em	2
162	Hậu quả nhận thức, hành vi của hội chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ ở trẻ em	2
163	Hậu quả tim mạch của hội chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ ở trẻ em	2
164	Hậu quả chuyển hóa của rối loạn hô hấp khi ngủ ở trẻ em	2
165	Rối loạn hô hấp khi ngủ ở trẻ em bị Hen phế quản	2
166	Rối loạn Hô hấp khi ngủ và bệnh dị ứng ở trẻ em	2
167	Điều trị trẻ em mắc Hội chứng ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	2
168	Cách tiếp cận của bác sĩ Tai - Mũi - Họng đối với chứng Ngưng thở do tắc nghẽn khi ngủ ở trẻ em	2
169	Rối loạn thở khi ngủ ở trẻ em, Cách tiếp cận từ Bác sĩ Nha khoa	2
170	Điều trị thở CPAP cho ở trẻ bị Ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	2
171	Thông khí không xâm lấn trong bệnh lý thần kinh cơ ở trẻ em	2

172	Cách tiếp cận dược lý mới trong điều trị ngưng thở khi tắc nghẽn khi ngủ ở trẻ em	2
173	Hội chứng giảm thông khí trung ương bẩm sinh	2
174	Rối loạn vận động liên quan đến giấc ngủ ở trẻ em	2
175	Các rối loạn thức tỉnh ở trẻ em	2
176	Rối loạn cận giấc ngủ REM ở trẻ em	2
177	Hội chứng chân không yên, cử động chân có chu kỳ khi ngủ ở trẻ em	2
178	Rối loạn vận động liên quan đến giấc ngủ ở trẻ em	2
179	Giấc ngủ và rối loạn giấc ngủ ở trẻ em mắc bệnh động kinh	2
180	Bệnh lý ung thư và Rối loạn giấc ngủ ở trẻ em	2
181	Giấc ngủ trong rối loạn tâm thần ở trẻ em	2
182	Đa ký Giấc ngủ và Nghiệm pháp thức tỉnh ở trẻ em	4
HỌC PHẦN THAM KHẢO		
183	Sự phát triển bình thường của trẻ sinh non	2
184	Trẻ sơ sinh từ 0–3 tháng tuổi Phát triển bình thường	2
185	Trẻ sơ sinh 3–6 tháng Phát triển bình thường	2
186	Trẻ sơ sinh 6–12 tháng Phát triển bình thường	2
187	Trẻ mới biết đi từ 12 tháng đến 2 tuổi Phát triển bình thường	2
188	Trẻ em từ 2 đến 5 tuổi Phát triển bình thường	2
189	Rối loạn hô hấp liên quan đến giấc ngủ	2
190	Trẻ em trong độ tuổi đi học từ 5 đến 10 tuổi Phát triển bình thường	2
191	Rối loạn kích thích cục bộ: Rối loạn giấc ngủ	2
192	Chứng ngủ rũ trung ương	2
193	Rối loạn vận động liên quan đến giấc ngủ	2

4.2. Phần Thực hành: 24 bài, 1038 tiết.

STT	Nội dung	Số tiết
PHẦN I. NGƯỜI LỚN		
13.	Thực hành chẩn đoán, nhận định và đánh giá lâm sàng bệnh mất ngủ	40
14.	Các phương pháp đánh giá giấc ngủ bằng thiết bị cá nhân	40

15.	Các phương pháp thăm dò buồn ngủ ban ngày và cảnh tỉnh - nghiệm pháp đa tiềm thời và cảnh tỉnh	40
16.	Phương pháp điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ	40
17.	Điều trị mất ngủ không dùng thuốc - thực hành thiền chánh niệm	40
18.	Thực hành đọc kết quả PSG về bệnh ngủ rũ	40
19.	Thực hành đọc kết quả PSG về hội chứng chân không yên và cử động chi bất thường khi ngủ	40
20.	Thực hành kỹ thuật đo đa ký hô hấp	40
21.	Thực hành kỹ thuật đo đa ký giấc ngủ	40
22.	Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký hô hấp	120
23.	Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký giấc ngủ	120
24.	Thực hành kỹ thuật sử dụng máy thở áp lực dương liên tục CPAP	100
PHẦN II. TRẺ EM		
25.	Thực hành khai thác bệnh sử giấc ngủ ở trẻ em Mô phỏng phỏng vấn phụ huynh (theo lứa tuổi: sơ sinh, nhà trẻ, tiểu học) Tình huống: trẻ mất ngủ, trẻ ngáy khi ngủ, trẻ có hành vi lạ khi ngủ	40
26.	Thực hành sử dụng các bảng hỏi, công cụ sàng Nhật ký giấc ngủ và bảng chấm điểm buồn ngủ ban ngày	20
27.	Thực hành khám thực thể và đánh giá liên chuyên khoa Tai Mũi Họng, Răng Hàm Mặt, Nội Tiết, Hô Hấp, Tim Mạch, Sức khỏe Tâm thần kinh ở trẻ em.	20
28.	Kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe giấc ngủ cho phụ huynh Dùng mô hình, video tình huống giao tiếp - giáo dục	20
29.	Giới thiệu và thực hành đo đa ký hô hấp, Đa ký Giấc ngủ ở trẻ em Hướng dẫn gắn điện cực Mô phỏng ghi nhận tín hiệu khi ngủ Ghi PSG ban đêm tại lab	40
30.	Phân tích kết quả đa ký giấc ngủ ở trẻ em Nhận diện các pha ngủ (N1, N2, N3, REM) Phân biệt ngưng thở tắc nghẽn – trung ương	40

	Đọc báo cáo PSG mẫu	
31.	Thực hành lập báo cáo và hội chẩn ca lâm sàng từ cận lâm sàng	40
32.	Thực hành kỹ thuật hiệu chỉnh và định chuẩn áp lực dương (CPAP) ở trẻ em	20
33.	Thực hành thăm khám và chỉ định đo đa ký giấc ngủ ở trẻ em và Thanh thiếu niên	40
34.	Thực hành Giải thích kết quả đo đa ký giấc ngủ và chỉ định điều trị ở trẻ em bị ngưng thở tắc nghẽn khi ngủ	40
35.	Thực hành tư vấn giáo dục sức khỏe giấc ngủ cho Trẻ em, Thanh thiếu niên và Phụ huynh	20
36.	Thực hành quản lý và vận hành hoạt động các đơn nguyên Y học giấc ngủ ở trẻ em tại các Cơ sở Y tế	20

5. Tên tài liệu dạy - học

- Tài liệu chính thức: Giáo trình ***“Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn và trẻ em”***

- Tài liệu tham khảo:

+ Giáo trình ***“Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn”*** (Giáo trình; 600 trang – Lưu hành nội bộ). (Hội Y học giấc ngủ Việt Nam – Ban hành tháng 8 năm 2024 - Lưu hành nội bộ).

+ Hướng dẫn phân loại bệnh giấc ngủ ICSD-3 2014, ICSD-3 RT 2023, AASM 2017/2019/2021/2023.

+ Giáo trình Y học giấc ngủ cơ bản - Kỹ thuật thăm dò Giấc ngủ và Hỗ trợ ngưng thở khi ngủ bằng máy thở áp lực dương & Chuyên đề (Hội Y học giấc ngủ Việt Nam 2022 - lưu hành nội bộ).

+ Giáo trình Chẩn đoán và điều trị ngưng thở khi ngủ, Hội Y học giấc ngủ Việt Nam – 2023 - NXB Y học.

+ Các sách Textbook Nguyên lý chẩn đoán và điều trị các rối loạn giấc ngủ (đính kèm trong TLTK của giáo trình).

+ Cẩm nang Y học giấc ngủ Nhi khoa - Nhà xuất bản ELSEVIER, năm 2020 và 2024

6. Phương pháp dạy - học

Các nội dung lý thuyết và thực hành được thực hiện lồng ghép bằng nhiều phương pháp dạy - học được mô tả cụ thể, gồm:

- Phương pháp thuyết trình ngắn tích cực hóa học viên.
- Phương pháp thảo luận nhóm.
- Phương pháp thao tác mẫu và thực hành bằng bảng kiểm.
- Phương pháp cầm tay chỉ việc.
- Phương pháp động não.
- Phương pháp dạy học tại phòng khám bệnh.

7. Tiêu chuẩn giảng viên và trợ giảng

- Tiêu chuẩn chuyên môn của giảng viên và trợ giảng giảng dạy lý thuyết: Tốt nghiệp từ thạc sĩ - chuyên khoa cấp I trở lên, có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm y học theo chương trình của Bộ Y tế; có bằng y học giấc ngủ thế giới (WSS – World Sleep Society) và các chứng chỉ chuyên ngành của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam.

- Tiêu chuẩn giảng viên dạy thực hành lâm sàng: Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ chuyên môn phù hợp lĩnh vực và có bằng y học giấc ngủ thế giới (WSS – World Sleep Society) và các chứng chỉ chuyên ngành của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam.

- Số lượng giảng viên cần cho khóa học: tối thiểu là 12 người, trong đó số giảng viên và trợ giảng để giảng dạy lý thuyết cần tối thiểu 04 giảng viên, số giảng viên giảng dạy thực hành cần tối thiểu 8 giảng viên.

8. Thiết bị, học liệu cho khóa học

- Phòng học lý thuyết và thực hành.
- Máy chiếu, màn hình trình chiếu.
- Các thiết bị mô phỏng: mô hình người, mô hình đầu người, mô hình người bán thân.
- Máy đo đa ký giấc ngủ, đa ký hô hấp: máy Apnealink Air, máy Nox A1, máy Nox T3s, máy đo đa ký giấc ngủ Neurosoft, BrainBand.
- Máy CPAP, BiPAP, hệ thống Titration CPAP, Máy thăm dò hô hấp – tìm mạch khác: phế thân ký, CPET.

9. Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình

9.1. Đào tạo trực tiếp: Thực hành

- Đơn vị chủ trì: Trung tâm Đào tạo - Hội Y học giấc ngủ Việt Nam; địa chỉ 269A Phan Đình Phùng, Đà Lạt.
- Tuyển sinh: trong cả nước. Tiêu chí tuyển sinh như mục 3 nêu trên.

- Địa điểm: Các cơ sở thực hành Lâm sàng và đào tạo của Hội Y học Giác ngủ Việt Nam theo hợp đồng hợp tác đã được ký kết.

- Điều kiện mở lớp: khi có tối thiểu 15 học viên

- Số lượng học viên: mỗi lớp không quá 70 học viên

- Hình thức học: Lý thuyết học Trực tuyến, Thực hành học tập trung theo từng đợt hoặc liên tục.

- Tổ chức khai giảng: khai giảng khóa đào tạo trước khi tổ chức đào tạo theo đúng thủ tục, nghi thức như quy định hiện hành đảm bảo trang nghiêm, phù hợp.

- Tổ chức bế giảng: bế giảng khóa đào tạo và phát chứng chỉ sau khi xét công nhận đủ điều kiện hoàn thành khóa học theo đúng thủ tục, nghi thức như quy định hiện hành đảm bảo trang nghiêm, phù hợp.

- Đánh giá đầu vào (trước khóa học): kiến thức theo mục tiêu của khóa học, được xây dựng riêng cho mỗi khoa học.

- Đánh giá đầu ra (sau khóa học): đánh giá kiến thức theo đúng mục tiêu của khóa học, được xây dựng riêng cho mỗi khoa học.

9.2. Đào tạo trực tuyến qua mạng Internet (E-learning): Lý thuyết

Hội Y học giác ngủ Việt Nam thực hiện đào tạo lý thuyết trực tuyến thông qua các nền tảng: google meet, zoom meeting, Z-kawa.

- Cách thức thực hiện: Căn cứ kế hoạch đào tạo, trước buổi học giảng viên sẽ tạo và gửi đường dẫn đến địa chỉ lớp học cho học viên. Học viên đăng nhập theo hệ thống vào tham gia lớp học.

- Thiết bị/ phần mềm cần có: theo phương thức học tập

- Quản lý học tập: Ban đào tạo thực hiện quản lý đào tạo theo đúng chương trình đào tạo.

- Cách tổ chức thi/kiểm tra lý thuyết, thực hành: thi, kiểm tra lý thuyết bằng hình thức trắc nghiệm nhiều lựa chọn. Thực hành hiện các kỹ thuật thăm dò về giấc ngủ trên người bệnh mô phỏng.

11. Đánh giá và cấp giấy chứng nhận đào tạo liên tục

- Cách đánh giá:

- + Điểm chuyên cần tham dự lớp: 10%

- + Điểm đánh giá thường xuyên trong quá trình học: 40%, bao gồm cả đánh giá các chỉ tiêu tay nghề trong quá trình thực hành, thực tập, Sở tự hành.

- + Điểm đánh giá kết thúc: 50% (thi trắc nghiệm lý thuyết và đánh giá thực hành đo đa ký giấc ngủ).

Lưu ý: học viên không được vắng học quá 10% tổng số tiết học lý thuyết và không được vắng học thực hành; hình thức đánh giá cuối kì: câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi nhỏ, tình huống lâm sàng, Sở thu hoạch...

- Điều kiện để được đánh giá là đạt: Học viên có kết quả học tập đạt từ 60 điểm trở lên theo thang điểm 100.

Cấp chứng chỉ đào tạo liên tục: ***“Chẩn đoán và Điều trị các bệnh lý giấc ngủ và ngưng thở khi ngủ ở người lớn và Trẻ em”***.

- Giá trị chứng chỉ: theo Quyết định số 37/QĐ-K2ĐT ngày 14/4/2022 của Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo - Bộ Y tế về việc Cấp mã cơ sở Đào tạo liên tục CBYT cho Hội Y học Giấc ngủ Việt Nam.

10.a. Lưu ý chung:

- Đối với học viên đã theo học và được cấp chứng chỉ chương trình đào tạo 06 tuần, 03 tháng, 06 tháng tháng của Hội Y học giấc ngủ Việt Nam, sẽ học bổ sung những học phần chưa học và thi để được liên thông và được cấp chứng chỉ 09 tháng.

- Chương trình liên thông bảo đảm đúng quy định 436 tiết, bao gồm 398 tiết lý thuyết và 1038 tiết thực hành.

11. Chỉ tiêu tay nghề:

Các chỉ tiêu kỹ năng cần đạt sau khóa học, gồm:

11.1. Phần người lớn

Stt	Tên bài	Số tiết TH	Kỹ năng/ thủ thuật	Chỉ tiêu (số lần tối thiểu/HV)
13.	Thực hành chẩn đoán, nhận định và đánh giá lâm sàng bệnh mất ngủ	40	Thực hiện đúng quy trình chẩn đoán, nhận định và đánh giá lâm sàng bệnh mất ngủ	06
14.	Các phương pháp đánh giá giấc ngủ bằng thiết bị cá nhân	40	Thực hiện đúng quy trình đánh giá giấc ngủ bằng thiết bị cá nhân	06
15.	Các phương pháp thăm dò buồn ngủ ban ngày và cảnh tỉnh - nghiệm	40	Thực hiện đúng quy trình thăm dò buồn ngủ ban ngày và cảnh	06

	pháp đa tiềm thời và cảnh tỉnh		tỉnh - nghiệm pháp đa tiềm thời và cảnh tỉnh	
16.	Phương pháp điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ	40	Thực hiện đúng quy trình điều trị nhận thức và hành vi bệnh mất ngủ	06
17.	Điều trị mất ngủ không dùng thuốc - thực hành thiền chánh niệm	40	Thực hiện đúng quy trình Điều trị mất ngủ không dùng thuốc - thực hành thiền chánh niệm	06
18.	Thực hành đọc kết quả psg về bệnh ngủ rũ	40	Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả chỉ định điều trị trên bệnh nhân	03
19.	Thực hành đọc kết quả PSG về hội chứng chân không yên và cử động chi bất thường khi ngủ	40	Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả chỉ định điều trị trên bệnh nhân	03
20.	Thực hành kỹ thuật đo đa ký hô hấp	40	Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đo đa ký hô hấp (với tất cả các loại máy đo)	06
21.	Thực hành kỹ thuật đo đa ký giấc ngủ	40	Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đo đa ký Giấc ngủ (với tất cả các loại máy đo)	06
22.	Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký hô hấp	120	Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả đo đa ký giấc ngủ và chỉ định điều trị trên bệnh nhân	12
23.	Thực hành kỹ thuật đọc kết quả đa ký giấc ngủ	120	Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả đo đa ký giấc ngủ và chỉ định điều trị trên bệnh nhân	12

24.	Thực hành kỹ thuật sử dụng máy thở áp lực dương liên tục CPAP	100	Thực hiện đúng kỹ thuật thở máy áp lực dương liên tục CPAP	06
-----	---	-----	--	----

11.2. Phần Trẻ em

Stt	Tên bài	Số tiết TH	Kỹ năng/ thủ thuật	Chỉ tiêu (số lần tối thiểu/HV)
1.	Thực hành khai thác bệnh sử giấc ngủ ở trẻ em	40	Khai thác thông tin giấc ngủ ở trẻ như thời gian ngủ, triệu chứng khi ngủ, mức độ buồn ngủ ban ngày; sử dụng bảng hỏi và nhật ký giấc ngủ; ghi nhận bệnh sử rõ ràng, đầy đủ.	05
2.	Thực hành sử dụng các bảng hỏi, công cụ sàng	20	Lựa chọn và sử dụng đúng bảng hỏi phù hợp độ tuổi, hướng dẫn phụ huynh điền bảng hỏi, đọc và phân tích kết quả để hỗ trợ chẩn đoán rối loạn giấc ngủ ở trẻ.	05
3.	Thực hành khám thực thể và đánh giá liên chuyên khoa	20	Thực hành khám lâm sàng hệ hô hấp, thần kinh, tai mũi họng liên quan đến rối loạn giấc ngủ; phát hiện các bất thường như phì đại VA, Amidan, béo phì, dấu hiệu thần kinh; phối hợp đánh giá với các chuyên khoa liên quan.	05
4.	Thực hành đo đa ký hô hấp	40	Thực hiện đúng kỹ thuật đo đa ký hô hấp (với tất cả các loại máy đo)	05
5.	Thực hành đo đa ký Giấc ngủ	40	Thực hiện đúng kỹ thuật đo đa ký hô hấp (với tất cả các loại máy đo)	05

6.	Phân tích kết quả đa ký Hô hấp	40	Đọc đúng trên 90% kết quả đo đa ký Hô hấp	05
7.	Phân tích kết quả đa ký Giấc ngủ	40	Đọc đúng trên 80% kết quả đo đa ký Giấc ngủ	05
8.	Thực hành kỹ thuật hiệu chỉnh và định chuẩn áp lực dương (CPAP) trên người bệnh	20	Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật hiệu chỉnh và định chuẩn áp lực dương	05
9.	Thực hành thăm khám và chỉ định đo đa ký giấc ngủ trên bệnh nhân	40	Thực hiện đúng quy trình thăm khám và chỉ định đo đa ký giấc ngủ trên bệnh nhân	05
10.	Thực hành Giải thích kết quả đo đa ký giấc ngủ và chỉ định điều trị trên bệnh nhân	40	Thực hiện đúng quy trình Giải thích kết quả đo đa ký giấc ngủ và chỉ định điều trị trên bệnh nhân	05
11.	Thực hành tư vấn giáo dục sức khỏe về lĩnh vực Y học giấc ngủ trên bệnh nhân	20	Thực hiện đúng quy trình tư vấn giáo dục sức khỏe về lĩnh vực Y học giấc ngủ trên bệnh nhân	05
12.	Thực hành quản lý và vận hành hoạt động y học giấc ngủ tại Sleeb lab	20	Xây dựng quy trình quản lý và vận hành hoạt động y học giấc ngủ tại Sleeb lab tại đơn vị mình	02